Machine Translated by Google

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	Premiere PolyPatch CB – Phần A
Các phương tiện nhận dạng khác	Không có.
Sử dụng được khuyến nghị	Epoxy sửa chữa bê tông.
Hạn chế được đề xuất	-

Thông tin Nhà sản xuất/Nhà nhập khẩu/Nhà cung cấp/Nhà phân phối

Nhà cung cấp

Tên công ty	Hệ thống phủ Nukote quốc tế
Địa chỉ	4730 Đường Consulate Plaza Phòng 100 Houston, TX. 77032
Điện thoại	832-770-7100
E-mail	SDS@nukoteglobal.com
Số điện thoại khẩn cấp	Chemtrec: 800-424-9300 (Tài khoản: CCN16118) hoặc Quốc tế: 703-527-3887 (Tài khoản: CCN16118)

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Nguy cơ vật lý	Chưa được phân loại.	
Nguy cơ sức khỏe	Ăn mòn/kích ứng da	Thể loại 2
	Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Thể loại 2A
	Nhạy cảm, da	Thể loại 1
	Tính gây ung thư	Thể loại 2
Nguy cơ môi trường	Nguy hiểm cho môi trường nước, cấp tính Loại 2 nguy hiểm	
	Có hại cho môi trường nước, nguy hiểm lâu dài	Thể loại 2

OSHA định nghĩa các mối nguy hiểm: Chưa được phân loại.

Các thành phần nhãn



Từ tín hiệu	Cảnh báo
Tuyên bố nguy hiểm	Gây kích ứng da. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Bị nghi ngờ gây ung thư. Độc hại với sinh vật thủy sinh và có tác động lâu dài.
Tuyên bố phòng ngừa	
Phòng ngừa	Xin hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không xử lý cho đến khi đã đọc tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn và hiểu rõ. Tránh hít phải sương mù/hơi. Rửa sạch sau khi xử lý. Công việc bị ô nhiễm quần áo không được phép mang ra khỏi nơi làm việc. Tránh thải ra môi trường. Mặc găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt.
Phản ứng	Nếu tiếp xúc hoặc lo lắng: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Nếu dính vào da: Rửa bằng nhiều nước. Nếu kích ứng da hoặc phát ban xảy ra: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và rửa sạch trước khi sử dụng lại. Nếu dính vào mắt: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo bỏ tiếp xúc ống kính, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Nếu kích ứng mắt vẫn tiếp diễn: Hãy đi khám bác sĩ lời khuyên/chú ý. Thu gom chất tràn.
Kho	Cửa hàng đã bị khóa.
Xử lý	Xử lý chất thải/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

Nguy hiểm(s) không phải là nguy hiểm khác được phân loại (HNOC): Không có thông tin nào được biết.

Machine Translated by Google

Thông tin bổ sung	Không có.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

Tên hóa học	Số CAS	%
Oxiran, 2,2'-[(1-metyletyliden)bis(4, 1-phenyleneoxymetylen)]bis-, homopolyme	25085-99-8	>60 - <90
Titan dioxit	13463-67-7	≥1 - <2,5
Thành phần độc quyền 1	Độc quyền	Độc quyền
Thành phần độc quyền 2	Độc quyền	Độc quyền

Bình luận về bài viết	Nhà sản xuất đã tuyên bố một hoặc nhiều thành phần nguy hiểm là bí mật thương mại theo Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của OSHA. Các mối nguy hiểm của thành phần này (các thành phần này) được nêu trong SDS này. Tất cả nồng độ đều tính theo phần trăm khối lượng trừ khi thành phần là khí. Nồng độ khí tính theo phần trăm thể tích. Để biết thành phần hóa học chi tiết hơn, hãy tham khảo chứng chỉ phân tích.

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít vào	Di chuyển đến nơi có không khí trong lành. Gọi cho bác sĩ nếu các triệu chứng phát triển hoặc kéo dài.
Tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn ngay lập tức và rửa sạch da bằng xà phòng và nước. Trong trường hợp bị chàm hoặc các bệnh lý về da khác: Tìm kiếm sự chăm sóc y tế và mang theo các hướng dẫn này. Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.
Giao tiếp bằng mắt	Rửa mắt ngay lập tức bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu tình trạng kích ứng phát triển và kéo dài.
Tiêu thụ	Súc miệng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu có triệu chứng. Không gây nôn nếu không có lời khuyên từ trung tâm kiểm soát chất độc. Nếu xảy ra nôn, hãy cúi đầu xuống để thức ăn trong dạ dày không tràn vào phổi. Không bao giờ đưa bất cứ thứ gì vào miệng nạn nhân đang bất tỉnh hoặc đang lên cơn co giật.
Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm trễ	Kích ứng mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Kích ứng da. Có thể gây đỏ và đau. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Viêm da. Phát ban. Tiếp xúc kéo dài có thể gây ra những tác động mãn tính.
Chỉ định cần được chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt	Cung cấp các biện pháp hỗ trợ chung và điều trị triệu chứng. Theo dõi nạn nhân. Các triệu chứng có thể xuất hiện muộn.
Thông tin chung	NẾU bị phơi nhiễm hoặc lo ngại: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Đảm bảo rằng nhân viên y tế biết về vật liệu liên quan và thực hiện các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ bản thân. Trình tờ dữ liệu an toàn này cho bác sĩ có mặt.

5. Biện pháp chữa cháy Chất chữa cháy

phù hợp Bọt. Bột hóa chất khô. Cacbon dioxit (CO2).

Phương tiện chữa cháy không phù hợp	Không sử dụng tia nước để chữa cháy vì điều này sẽ khiến đám cháy lan rộng.
Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất	Trong quá trình cháy, có thể hình thành các loại khí nguy hiểm cho sức khỏe. Phân hủy trong đám cháy: Cacbon dioxit. Cacbon monoxit. Oxit kim loại.
Thiết bị bảo vệ đặc biệt và các biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa	Phải đeo thiết bị thở tự cung cấp và quần áo bảo hộ đầy đủ trong trường hợp hỏa hoạn.
Thiết bị/hướng dẫn chữa cháy	Tránh xa những người không cần thiết. Các thùng chứa có thể phát nổ khi bị đun nóng. Sử dụng vòi phun nước để làm mát các thùng chứa chưa mở. Di chuyển các thùng chứa khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm như vậy mà không có rủi ro. Kiểm soát nước chữa cháy bị ô nhiễm để giảm thiểu việc thải ra môi trường.
Phương pháp cụ thể	Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và cân nhắc đến mối nguy hiểm của các vật liệu liên quan khác.
Nguy cơ cháy nổ nói chung	Không có nguy cơ cháy nổ bất thường nào được ghi nhận.

6. Biện pháp phát hành ngẫu nhiên

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp	Tránh xa những người không cần thiết. Tránh xa những người tránh xa và ngược gió nơi tràn/rò rỉ. Mặc trang thiết bị và quần áo bảo hộ thích hợp trong quá trình dọn dẹp. Tránh hít phải sương mù/hơi nước. Không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị tràn trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Cần thông báo cho chính quyền địa phương nếu không thể ngăn chặn được sự cố tràn đáng kể. Để bảo vệ cá nhân, hãy xem phần 8 của SDS.

Machine Translated by Google

Phương pháp và vật liệu cho ngăn chặn và dọn dẹp	Ngăn không cho sản phẩm chảy vào cống. Sự cố tràn lớn: Ngăn chặn dòng chảy của vật liệu, nếu điều này không có nguy cơ. Đê ngăn vật liệu tràn, nơi có có thể. Hấp thụ trong vermiculite, cát khô hoặc đất và đặt vào thùng chứa. Sản phẩm sau phục hồi, rửa sạch khu vực bằng nước. Vết đổ nhỏ: Lau sạch bằng vật liệu thấm hút (ví dụ vải, vải nỉ). Làm sạch bề mặt kỹ lưỡng để loại bỏ chất bẩn còn sót lại. Không bao giờ trả lại chất đổ vào thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Đặt vật liệu vào thùng chứa phù hợp, có nắp đậy, có nhãn thùng chứa. Đối với việc xử lý chất thải, hãy xem mục 13 của SDS.
Biện pháp phòng ngừa môi trường	Tránh thải ra môi trường. Thông báo cho nhân viên quản lý hoặc giám sát thích hợp về tất cả thải ra môi trường. Ngăn ngừa rò rỉ hoặc tràn thêm nếu an toàn để làm như vậy. Tránh xả vào cống rãnh, dòng nước hoặc xuống đất. Nếu việc phát tán xảy ra ở Hoa Kỳ và phải báo cáo theo Mục 103 của CERCLA, thông báo cho Trung tâm phản hồi quốc gia theo số (800)424-8802 (Hoa Kỳ) hoặc (202)426-2675 (Hoa Kỳ).

7. Xử lý và lưu trữ

Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn	Xin hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không xử lý cho đến khi đã đọc tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn và được hiểu. Nên xử lý trong hệ thống kín nếu có thể. Cung cấp thông gió đầy đủ. Tránh hít phải sương mù hoặc hơi. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Tránh kéo dài tiếp xúc. Những người có tiền sử về các vấn đề nhạy cảm da không nên làm việc trong bất kỳ quá trình sử dụng sản phẩm này. Khi sử dụng không được ăn hoặc uống. Rửa sạch sau xử lý. Giặt quần áo bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại. Mặc đồ bảo hộ cá nhân phù hợp thiết bị. Tránh thải ra môi trường. Thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh công nghiệp.
Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào	Bảo quản trong hộp kín. Bảo quản xa các vật liệu không tương thích (xem Mục 10 của SDS). Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Bảo vệ khỏi tiếp xúc trực tiếp ánh sáng mặt trời. Các thùng chứa đã mở phải được đậy kín cẩn thận và giữ thẳng đứng để tránh rò rỉ. Không lưu trữ trong các thùng chứa không có nhãn.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

US. OSHA Bảng Z-1 Giới hạn đối với các chất gây ô nhiễm không khí (29 CFR 1910.1000)

Thành phần	Kiểu	Giá trị	Hình thức
Thành phần độc quyền 1	PEL	400mg/m3 100 phần triệu	
Titan dioxit (CAS 13463-67-7)	PEL	15mg/m3	Toàn là bụi.

Bảng Z-3 của OSHA Hoa Kỳ (29 CFR 1910.1000)

Thành phần	Kiểu	Giá trị	Hình thức
Titan dioxit (CAS 13463-67-7)	HAI	5mg/m3	Phần có thể hít vào được.
		15mg/m3	Toàn là bụi.
		50 mppcf	Toàn là bụi.
		15 mppcf	Phần có thể hít vào được.

Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH của Hoa Kỳ

Thành phần	Kiểu	Giá trị
Titan dioxit (CAS 13463-67-7)	HAI	10mg/m3

NIOSH Hoa Kỳ: Sổ tay hướng dẫn bỏ túi về các mối nguy hiểm của hóa chất

Loại thành phần	Giá trị
Thành phần độc quyền 1	HAI	400mg/m3 100 phần triệu

Giá trị giới hạn sinh học	Không có giới hạn phơi nhiễm sinh học nào được ghi nhận đối với thành phần.
Kỹ thuật phù hợp điều khiển	Nên sử dụng thông gió chung tốt. Tốc độ thông gió phải phù hợp với điều kiện. Nếu áp dụng, sử dụng các vỏ bọc quy trình, thông gió xả cục bộ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để duy trì mức độ trong không khí dưới mức giới hạn phơi nhiễm được khuyến nghị. Cung cấp trạm rửa mắt và an toàn vòi sen.

Machine Translated by Google

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo vệ cá nhân	
Bảo vệ mắt/mặt	Đeo kính an toàn, kính kín, kính bảo hộ bó sát không có lỗ thông hơi hoặc tấm chắn mặt tùy thuộc vào nguy hiểm của nhiệm vụ. Ngoài kính bảo hộ, hãy đeo tấm chắn mặt khi có thể có nước bắn vào mặt khả thi.
Bảo vệ da	
Bảo vệ tay	Đeo găng tay chống hóa chất thích hợp. Găng tay nitrile, neoprene, PVC hoặc cao su là khuyến nghị. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, độ dày của găng tay, sự khéo léo. Thường xuyên nên thay đổi. Găng tay bị nhiễm bẩn nên được thay thế. Có thể thay găng tay phù hợp được nhà cung cấp găng tay khuyên dùng.
Bảo vệ da	
Khác	Mặc quần áo chống hóa chất phù hợp. Nên sử dụng tạp dề không thấm nước.
Bảo vệ hô hấp	Máy thở hóa chất có hộp chứa hơi hữu cơ và mặt nạ toàn bộ. Sử dụng áp suất dương máy thở cung cấp không khí nếu có bất kỳ khả năng nào cho việc phát hành không kiểm soát, mức độ phơi nhiễm không được đã biết hoặc bất kỳ trường hợp nào khác mà máy trợ thở lọc không khí có thể không cung cấp đủ bảo vệ. Kiểm tra với các nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.
Nguy cơ nhiệt	Mặc quần áo giữ nhiệt thích hợp khi cần thiết.
Vệ sinh chung những cân nhắc	Tuân thủ mọi yêu cầu giám sát y tế. Luôn tuân thủ vệ sinh cá nhân tốt các biện pháp, chẳng hạn như rửa sạch sau khi xử lý vật liệu và trước khi ăn, uống và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo làm việc và thiết bị bảo hộ để loại bỏ chất gây ô nhiễm. Quần áo làm việc bị nhiễm bẩn không được phép mang ra khỏi nơi làm việc.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài	
Trạng thái vật lý	Chất lỏng.
Hình thức	Bột nhão nhớt.
Màu sắc	Trắng.
Mùi	Không có sẵn.
Ngưỡng mùi	Không có sẵn.
độ pH	Không có sẵn.
Điểm nóng chảy/điểm đóng băng	Không có sẵn.
Điểm sôi ban đầu và điểm sôi phạm vi	Không có sẵn.
Điểm chớp cháy	Không có sẵn.
Tốc độ bốc hơi	Không có sẵn.
Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không áp dụng.
Giới hạn cháy nổ trên/dưới	
Giới hạn cháy - thấp hơn (%)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có sẵn.
Áp suất hơi	Không có sẵn.
Mật độ hơi	Không có sẵn.
Mật độ tương đối	1,19 (H2O=1)
Độ hòa tan	
Độ hòa tan (nước)	Không có sẵn.
Hệ số phân chia (n-octanol/nước)	Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn.
Độ nhớt	Không có sẵn.
Thông tin khác	
Tỉ trọng	9,93 pound/gallon
Tính chất nổ	Không gây nổ.
Tính chất oxy hóa	Không bị oxy hóa.

Machine Translated by Google

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển thông thường.
Độ ổn định hóa học	Vật liệu ổn định trong điều kiện bình thường.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.
Điều kiện cần tránh	Tránh ánh nắng trực tiếp. Tiếp xúc với vật liệu không tương thích.
Vật liệu không tương thích	Chất oxy hóa mạnh.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Không có dự kiến nào trong điều kiện sử dụng bình thường.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các con đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Hít vào	Hít phải trong thời gian dài có thể gây hại.
Tiếp xúc với da	Gây kích ứng da. Có thể gây phản ứng dị ứng da.
Giao tiếp bằng mắt	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
Tiêu thụ	Có thể gây khó chịu nếu nuốt phải.
Các triệu chứng liên quan đến đặc điểm vật lý, hóa học và độc tính	Kích ứng mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt thị lực. Kích ứng da. Có thể gây đỏ và đau. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Viêm da. Phát ban. Tiếp xúc kéo dài có thể gây ra các tác dụng mãn tính.

Thông tin về tác động độc tính

Độc tính cấp tính	Không được cho là có độc tính cấp tính.

Thành phần	Giống loài	Kết quả kiểm tra
Oxiran, 2,2'-[(1-metyletyliden)bis(4,1-phenyleneoxymetylen)]bis-, homopolyme (CAS 25085-99-8)		
cấp tính		
Da liễu		
Chất lỏng		
LD50	Con thỏ	> 23000mg/kg
Miệng		
Chất lỏng		
LD50	Con chuột	> 15000mg/kg
Thành phần độc quyền 2 (CAS độc quyền)		
cấp tính		
Da liễu		
LD50	Con thỏ	1130mg/kg
Miệng		
LD50	Con chuột	1134mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da	Gây kích ứng da.
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Nhạy cảm hô hấp hoặc da

Nhạy cảm hô hấp	Không phải là chất gây dị ứng đường hô hấp.
Nhạy cảm da	Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Đột biến tế bào mầm	Không có dữ liệu nào có sẵn để chỉ ra sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có mặt ở mức lớn hơn 0,1% là gây đột biến hoặc độc tính di truyền.
Chuyên khảo về khả năng gây ung thư của IARC. Đánh giá tổng thể về khả năng gây ung thư	Nghi ngờ gây ung thư.

Titan dioxit (CAS 13463-67-7)	2B Có khả năng gây ung thư cho con người.

Báo cáo của NTP về chất gây ung thư

Không có trong danh sách.

Các chất được OSHA quy định cụ thể (29 CFR 1910.1001-1053)

Không được quản lý.

Độc tính sinh sản	Sản phẩm này không gây ra tác dụng phụ về mặt sinh sản hoặc phát triển.

Machine Translated by Google

Độc tính cơ quan đích cụ thể - phơi sáng đơn	Chưa được phân loại.
Độc tính cơ quan đích cụ thể - tiếp xúc thường xuyên	Chưa được phân loại.
Nguy cơ hít phải	Không gây nguy cơ hít phải.
Tác dụng mãn tính	Hít phải trong thời gian dài có thể gây hại. Tiếp xúc trong thời gian dài có thể gây ra các tác động mãn tính.

12. Thông tin sinh thái

Thành phần: Có độc tính với sinh vật thủy sinh và gây ảnh hưởng lâu dài.

độc tính sinh		Giống loài	Kết quả kiểm tra
thái Oxirane, 2,2'-[(1-methylethylidene)bis(4,1-phenyleneoxymethylene)]bis-, homopolymer (CAS 25085-99-8)			
cấp tính			
	ErC50	Scenedesmus capricornutum	11 mg/l, 72 giờ
Thủy sinh			
cấp tính			
Giáp xác	EC50	Daphnia magna	1,8 mg/l, 48 giờ
Cá	LC50	Oncorhynchus mykiss	2 mg/l, 96 giờ
mãn tính			
Giáp xác	NOEC	Daphnia magna	0,3 mg/l, 21 ngày
Khác			
cấp tính			
Vi khuẩn	IC50	Vi khuẩn - bùn hoạt tính	> 42,6 mg/l, 18 giờ

Tính bền vững và khả năng phân hủy

Khả năng phân hủy sinh học

Phần trăm phân hủy (Phân hủy sinh học hiếu khí-bản chất)	
Oxiran, 2,2'-[(1-metylethylidene)bis(4,1-phenyleneoxymethylene)]bis-, homopolyme (CAS 25085-99-8)	12% OECD 302b

Khả năng tích lũy sinh học	Không có dữ liệu.
Tính di động trong đất	Không có dữ liệu.
Các tác dụng phụ khác	Không có tác động tiêu cực nào khác đến môi trường (ví dụ như sự suy giảm tầng ôzôn, sự hình thành tầng ôzôn quang hóa) (tiềm năng gây rối loạn nội tiết, khả năng làm nóng toàn cầu) được dự kiến từ thành phần này.

13. Cân nhắc xử lý

Hướng dẫn xử lý	Thu gom và tái chế hoặc thải bỏ trong các thùng chứa kín tại địa điểm xử lý chất thải được cấp phép. Không cho phép vật liệu này để thoát vào cống rãnh/nguồn cung cấp nước. Không làm ô nhiễm ao, đường thủy hoặc mương với hóa chất hoặc thùng chứa đã qua sử dụng. Xử lý nội dung/thùng chứa theo quy định quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế. Khi sản phẩm này được cung cấp phải được loại bỏ dưới dạng chất thải, nó có thể đáp ứng định nghĩa về chất thải RCRA theo 40 CFR 261.
Quy định xử lý tại địa phương	Xử lý theo đúng các quy định hiện hành.
Mã chất thải nguy hại	Mã chất thải phải được chỉ định trong quá trình thảo luận giữa người sử dụng, nhà sản xuất và đơn vị xử lý chất thải. công ty xử lý rác thải.
Chất thải từ cặn bã / chưa sử dụng các sản phẩm	Xử lý theo quy định của địa phương. Các thùng chứa hoặc lớp lót rỗng có thể giữ lại một số dư lượng sản phẩm. Vật liệu này và thùng chứa của nó phải được xử lý theo cách an toàn (xem: Hướng dẫn xử lý).
Bao bì bị ô nhiễm	Vì các thùng chứa rỗng có thể giữ lại cặn sản phẩm, hãy tuân thủ các cảnh báo trên nhãn ngay cả sau khi thùng chứa đã được đã được làm rỗng. Các thùng chứa rỗng phải được đưa đến một địa điểm xử lý chất thải được chấp thuận để tái chế hoặc xử lý.

14. Thông tin vận chuyển

CHẤM

Số của Liên Hợp Quốc	UN3082
Tên vận chuyển riêng của Liên Hợp Quốc	Các chất nguy hại cho môi trường, chất lỏng, số (Oxirane, 2,2'-[(1-metyletyliden)bis(4,1-phenyleneoxymetylen)]bis-, homopolyme)
Lớp nguy hiểm vận chuyển	
Lớp học	9
Rủi ro phụ	-

Machine Translated by Google

Nhãn(s)	9
Nhóm đóng gói	III
Nguy cơ môi trường	
Chất gây ô nhiễm biển	Đúng

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng Đọc hướng dẫn an toàn, SDS và quy trình khẩn cấp trước khi xử lý.

Quy định đặc biệt Ngoại	8, 146, 335, IB3, T4, TP1, TP29
lệ về bao bì Bao bì không phải	155
hàng rời Bao bì hàng rời	203
IATA	241

Số của Liên Hợp Quốc	UN3082
Tên vận chuyển riêng của Liên Hợp Quốc	Chất nguy hại cho môi trường, chất lỏng, số (Oxirane, 2,2'-[(1-metyletyliden)bis(4,1-phenyleneoxymetylen)]bis-, homopolyme)
Lớp nguy hiểm vận chuyển	
Lớp học	9
Rủi ro phụ	-
Nhãn(s)	9
Nhóm đóng gói	III
Nguy cơ môi trường	Đúng
Mã ERG	9L

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng Đọc hướng dẫn an toàn, SDS và quy trình khẩn cấp trước khi xử lý.

IMDG

Số của Liên Hợp Quốc	UN3082
Tên vận chuyển riêng của Liên Hợp Quốc	CHẤT NGUY HIỂM VỚI MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, NOS (Oxirane, 2,2'-[(1-metyletyliden)bis(4,1-phenyleneoxymetylen)]bis-, homopolyme)
Lớp nguy hiểm vận chuyển	
Lớp học	9
Rủi ro phụ	-
Nhóm đóng gói	III
Nguy cơ môi trường	
Chất gây ô nhiễm biển	Đúng
EmS	FA, SF

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng Đọc hướng dẫn an toàn, SDS và các quy trình khẩn cấp trước khi xử lý.

Vận chuyển hàng rời theo quy định Chưa xác định.
Phụ lục II của MARPOL 73/78 và
Bộ luật IBC

Thông tin chung	Không tuân theo các quy định của quy định này khi được đóng gói phù hợp với số lượng 5 lít hoặc ít hơn theo phần 2.10.2.7 (Đối với IMDG). Không tuân theo các quy định của quy định này khi được đóng gói phù hợp với số lượng 5 lít hoặc ít hơn theo Điều khoản đặc biệt A197 (Dành cho IATA).

15. Thông tin quy định

Quy định của liên bang Hoa Kỳ	Sản phẩm này là "Hóa chất nguy hiểm" theo định nghĩa của Thông báo nguy hiểm của OSHA Tiêu chuẩn, 29 CFR 1910.1200.

Thông báo xuất khẩu Mục 12(b) của TSCA (40 CFR 707, Mục D)

Không được quản lý.

Danh sách chất nguy hiểm CERCLA (40 CFR 302.4)

Không có trong danh sách.

Thông báo phát hành khẩn cấp SARA 304

Không được quản lý.

Các chất được OSHA quy định cụ thể (29 CFR 1910.1001-1053)

Không được quản lý.

Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền Superfund năm 1986 (SARA)

SARA 302 Chất cực kỳ nguy hiểm

Không có trong danh sách.

SARA 311/312 Nguy hiểm Có
hóa chất

Machine Translated by Google

Nguy hiểm được phân loại	Ăn mòn hoặc kích ứng da
Thể loại	Tổn thương mắt nghiêm trọng hoặc kích ứng mắt Nhạy cảm hô hấp hoặc da Tính gây ung thư

SARA 313 (báo cáo TRI)

Không được quản lý.

Các quy định liên bang khác

Đạo luật Không khí Sạch (CAA) Mục 112 Danh sách các chất ô nhiễm không khí nguy hiểm (HAP)

Không được quản lý.

Đạo luật Không khí Sạch (CAA) Mục 112(r) Phòng ngừa Phát hành ngẫu nhiên (40 CFR 68.130)

Không được quản lý.

Đạo luật Nước uống an toàn (SDWA)	Không được quản lý.

Quy định của tiểu bang Hoa Kỳ

US. Massachusetts RTK - Danh sách chất

Thành phần độc quyền 1 (CAS độc quyền)
Titan dioxit (CAS 13463-67-7)

Đạo luật Quyền được biết của Cộng đồng và Người lao động New Jersey của Hoa Kỳ

Thành phần độc quyền 1 (CAS độc quyền)
Titan dioxit (CAS 13463-67-7)

Luật Quyền Được Biết của Cộng Đồng và Người Lao Động Pennsylvania Hoa Kỳ

Titan dioxit (CAS 13463-67-7)

RTK Rhode Island của Hoa Kỳ

Thành phần độc quyền 1 (CAS độc quyền)
Titan dioxit (CAS 13463-67-7)

Dự luật 65 của California



CẢNH BÁO: Sản phẩm này có thể khiến bạn tiếp xúc với Titanium dioxide, được Tiểu bang California biết là có thể gây ra ung thư. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập www.P65Warnings.ca.gov.

Dự luật 65 của California - CRT: Ngày niêm yết/Chất gây ung thư

Titan dioxit (CAS 13463-67-7)	Được niêm yết: Ngày 2 tháng 9 năm 2011

Hoa Kỳ. California. Danh sách hóa chất ứng cử viên. Quy định về sản phẩm tiêu dùng an toàn hơn (Cal. Code Regs, tit. 22, 69502.3, tiểu mục (a))

Thành phần độc quyền 1 (CAS độc quyền)
Titan dioxit (CAS 13463-67-7)

Hàng tồn kho quốc tế

Quốc gia hoặc khu vực	Tên hàng tồn kho	Trong kho (có/không)*
Úc	Kho dự trữ hóa chất của Úc (AICS)	Đúng
Canada	Danh sách các chất trong nước (DSL)	Đúng
Canada	Danh sách các chất không phải trong nước (NDSL)	KHÔNG
Trung Quốc	Bản kiểm kê các chất hóa học hiện có ở Trung Quốc (IECSC)	Đúng
Châu Âu	Kho dự trữ hóa chất thương mại hiện có của Châu Âu Chất (EINECS)	KHÔNG
Châu Âu	Danh sách các chất hóa học được thông báo của Châu Âu (ELINCS)	KHÔNG
Nhật Bản	Kiểm kê các chất hóa học hiện có và mới (ENCS)	KHÔNG
Hàn Quốc	Danh sách hóa chất hiện có (ECL)	Đúng
New Zealand	Hàng tồn kho New Zealand	Đúng
Philippines	Kho dự trữ hóa chất và chất hóa học của Philippines (ẢNH)	Đúng
Đài Loan	Danh mục hóa chất của Đài Loan (TCSI)	Đúng
Kiểm kê theo Đạo luật kiểm soát chất độc hại của Hoa Kỳ và Puerto Rico (TSCA) *"Có" nghĩa là sản phẩm này tuân thủ các yêu cầu kiểm kê do quốc gia quản lý quản lý.		Đúng

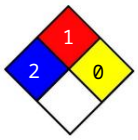
"Không" chỉ ra rằng một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được liệt kê hoặc được miễn khỏi danh sách trong kho do cơ quan quản lý quản lý.

quốc gia(các quốc gia).

16. Thông tin khác, bao gồm ngày soạn thảo hoặc lần sửa đổi cuối cùng

Ngày phát hành	11-Tháng sáu-2018

Machine Translated by Google

Ngày sửa đổi	18-Tháng sáu-2018
Phiên bản #	02
Xếp hạng HMIS®	Sức khỏe: 2* Khả năng bắt lửa: 1 Nguy cơ vật lý: 0
Xếp hạng NFPA	

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Hệ thống phủ NuKote không thể dự đoán tất cả các điều kiện mà thông tin này và thông tin này
sản phẩm, hoặc các sản phẩm của các nhà sản xuất khác kết hợp với sản phẩm của mình, có thể được sử dụng. Nó là
trách nhiệm của người sử dụng trong việc đảm bảo các điều kiện an toàn để xử lý, lưu trữ và thải bỏ
sản phẩm và chịu trách nhiệm về mất mát, thương tích, thiệt hại hoặc chi phí do sử dụng không đúng cách.
thông tin trong tờ giấy được viết dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất hiện tại
có sẵn.

Machine Translated by Google

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	Premiere PolyPatch CB - Phần B
Các phương tiện nhận dạng khác	Không có.
Sử dụng được khuyến nghị	Epoxy sửa chữa bê tông.
Hạn chế được đề xuất	Không có thông tin nào được biết.

Thông tin Nhà sản xuất/Nhà nhập khẩu/Nhà cung cấp/Nhà phân phối

Nhà cung cấp

Tên công ty	Hệ thống phủ Nukote quốc tế
Địa chỉ	4730 Đường Consulate Plaza Phòng 100 Houston, TX. 77032
Điện thoại	832-770-7100
E-mail	SDS@nukoteglobal.com
Số điện thoại khẩn cấp	Chemtrec: 800-424-9300 (Tài khoản: CCN16118) hoặc Quốc tế: 703-527-3887 (Tài khoản: CCN16118)

2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Nguy cơ vật lý: Chưa được phân loại.

Nguy cơ sức khỏe		
	Ăn mòn/kích ứng da	Thể loại 1B
	Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Thể loại 1
	Nhạy cảm, da	Thể loại 1
	Tính gây ung thư	Thể loại 1A
	Độc tính cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm lặp lại	Thể loại 1 (Phổi)
Nguy cơ môi trường	Nguy hiểm cho môi trường nước, cấp tính Loại 3 nguy hiểm	
	Có hại cho môi trường nước, nguy hiểm lâu dài	Thể loại 3

OSHA định nghĩa các mối nguy hiểm: Chưa được phân loại.

Các thành phần nhãn



Từ tín hiệu: Sự nguy hiểm

Tuyên bố nguy hiểm: Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Có thể gây ung thư. Gây tổn thương cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Có hại cho thủy sinh cuộc sống có tác động lâu dài.

Tuyên bố phòng ngừa

Phòng ngừa: Xin hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không xử lý cho đến khi đã đọc tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn và hiểu rõ. Không hít phải sương mù hoặc hơi. Rửa sạch sau khi xử lý. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Quần áo làm việc bị ô nhiễm không được phép ra khỏi nơi làm việc. Tránh thải ra môi trường. Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/mắt bảo vệ/bảo vệ mặt.

Phản ứng: Nếu tiếp xúc hoặc lo lắng: Hãy tìm lời khuyên/chăm sóc y tế. Nếu nuốt phải: Súc miệng. KHÔNG gây nôn. Nếu dính vào da (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước/tắm. Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Rửa quần áo bị ô nhiễm trước khi tái sử dụng. Nếu hít phải: Đưa người đó ra nơi thoáng khí và giữ thoải mái để thở. Nếu vào mắt: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Gọi ngay cho trung tâm chống độc/bác sĩ.

Machine Translated by Google

Kho	Cửa hàng đã bị khóa.
Xử lý	Xử lý chất thải/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Nguy hiểm(s) không phải là nguy hiểm khác được phân loại (HNOC)	Không có thông tin nào được biết.
Thông tin bổ sung	Không có.

3. Thành phần/thông tin về thành phần

Hỗn hợp

Tên hóa học	Số CAS	%
Silica tinh thể (thạch anh)	14808-60-7	≥50 - ≤75
2-Piperazin-1-ylethylamine	140-31-8	1 - 6
Methaxylen Diamin (MXDA)	1477-55-0	1 - 6
2,4,6-Tris(dimethylaminomethy l)phenol	90-72-2	1 - 5
Thành phần độc quyền 1	Độc quyền	Độc quyền
Thành phần độc quyền 2	Độc quyền	Độc quyền
Thành phần độc quyền 3	Độc quyền	Độc quyền
Thành phần độc quyền 4	Độc quyền	Độc quyền
Thành phần độc quyền 5	Độc quyền	Độc quyền

Bình luận về bài viết	Nhà sản xuất đã tuyên bố một hoặc nhiều thành phần nguy hiểm là bí mật thương mại theo Tiêu chuẩn truyền thông nguy cơ của OSHA. Các mối nguy hiểm của thành phần này (các thành phần này) được đưa ra trên SDS này. Tất cả nồng độ được tính theo phần trăm trọng lượng trừ khi thành phần là khí. Nồng độ khí được tính theo phần trăm theo thể tích. Để biết thành phần hóa học chi tiết hơn, hãy tham khảo giấy chứng nhận phân tích.

4. Các biện pháp sơ cứu

Hít vào	Nếu hít phải: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ thoải mái để thở. Nếu gặp phải triệu chứng hô hấp: Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ/bác sĩ. Oxy hoặc nhân tạo hô hấp nếu cần thiết. Gây hô hấp nhân tạo với sự trợ giúp của mặt nạ bỏ túi được trang bị van một chiều hoặc thiết bị y tế hô hấp phù hợp khác.
Tiếp xúc với da	Cởi bỏ ngay quần áo bị nhiễm bẩn và rửa sạch da bằng xà phòng và nước. Gọi cho bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc ngay lập tức. Bỏng hóa chất phải được điều trị bởi bác sĩ. Rửa quần áo bị nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng.
Giao tiếp bằng mắt	Ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính áp tròng nếu hiện tại và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa sạch. Gọi ngay cho bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc.
Tiêu thụ	Gọi ngay cho bác sĩ hoặc trung tâm kiểm soát chất độc. Súc miệng. Không gây nôn. Nếu nôn mửa, giữ đầu thấp để thức ăn trong dạ dày không tràn vào phổi. Không bao giờ cho bất cứ thứ gì vào miệng nạn nhân đang bất tỉnh hoặc đang lên cơn co giật.
Quan trọng nhất triệu chứng/tác dụng, cấp tính và bị trì hoãn	Đau rát và tổn thương da nghiêm trọng do ăn mòn. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm cảm giác châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Tổn thương mắt vĩnh viễn bao gồm có thể dẫn đến mù lòa. Phát ban. Viêm da. Khó thở. Ho. Gây ra đường tiêu hóa bỏng. Tiếp xúc kéo dài có thể gây ra những tác động mãn tính.
Chỉ định ngay lập tức chăm sóc y tế và đặc biệt cần điều trị	Cung cấp các biện pháp hỗ trợ chung và điều trị triệu chứng. Bỏng hóa chất: Rửa sạch bằng nước ngay lập tức. Trong khi xả nước, hãy cởi bỏ quần áo không dính vào vùng bị ảnh hưởng. Gọi xe cứu thương. Tiếp tục xả nước trong quá trình vận chuyển đến bệnh viện. Giữ dưới sự giám sát y tế trong ít nhất ít nhất 48 giờ. Các triệu chứng có thể bị chậm trễ.
Thông tin chung	NẾU tiếp xúc hoặc lo lắng: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Đảm bảo rằng nhân viên y tế biết của vật liệu liên quan và thực hiện các biện pháp phòng ngừa để bảo vệ bản thân. Hiển thị dữ liệu an toàn này tờ giấy cho bác sĩ đang khám.

5. Biện pháp phòng cháy chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp Sương nước. Bọt. Bột hóa chất khô. Cacbon dioxit (CO2).

Phương tiện chữa cháy không phù hợp	Không sử dụng tia nước để chữa cháy vì điều này sẽ khiến đám cháy lan rộng.
Các mối nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất	Trong quá trình cháy, có thể hình thành các loại khí nguy hiểm cho sức khỏe. Phân hủy trong đám cháy: Cacbon dioxit. Cacbon monoxit. Nitơ oxit. Oxit kim loại.

Machine Translated by Google

Thiết bị bảo vệ đặc biệt và các biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa	Phải đeo thiết bị thở tự cung cấp và quần áo bảo hộ đầy đủ trong trường hợp hỏa hoạn.
Chữa cháy thiết bị/hướng dẫn	Giữ những người không cần thiết tránh xa. Các thùng chứa có thể phát nổ khi bị đun nóng. Sử dụng bình xịt nước để làm mát các thùng chứa chưa mở. Di chuyển các thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu bạn có thể làm như vậy mà không có rủi ro. Kiểm soát nước chữa cháy bị ô nhiễm để giảm thiểu việc thải ra môi trường.
Phương pháp cụ thể	Sử dụng các quy trình chữa cháy tiêu chuẩn và cân nhắc đến mối nguy hiểm của các vật liệu liên quan khác.
Nguy cơ cháy nổ nói chung	Không có nguy cơ cháy nổ bất thường nào được ghi nhận.

6. Biện pháp phát hành ngẫu nhiên

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và thủ tục khẩn cấp	Giữ những người không cần thiết tránh xa. Giữ mọi người tránh xa và ngược gió nơi tràn/rò rỉ. Mặc thiết bị bảo vệ và quần áo thích hợp trong quá trình dọn dẹp. Không hít phải sương mù hoặc hơi. Làm không chạm vào các thùng chứa bị hư hỏng hoặc vật liệu bị đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ thích hợp. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Chính quyền địa phương nên được thông báo nếu không thể xử lý được sự cố tràn đáng kể được chứa đựng. Để bảo vệ cá nhân, hãy xem phần 8 của SDS.
Phương pháp và vật liệu cho ngăn chặn và dọn dẹp	Ngăn không cho sản phẩm chảy vào cống. Sự cố tràn lớn: Ngăn chặn dòng chảy của vật liệu, nếu điều này không có nguy cơ. Đê ngăn vật liệu tràn, nơi có có thể. Hấp thụ trong vermiculite, cát khô hoặc đất và đặt vào thùng chứa. Sản phẩm sau phục hồi, rửa sạch khu vực bằng nước. Vết đổ nhỏ: Lau sạch bằng vật liệu thấm hút (ví dụ vải, vải nỉ). Làm sạch bề mặt kỹ lưỡng để loại bỏ chất bẩn còn sót lại. Không bao giờ trả lại chất đổ vào thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Đặt vật liệu vào thùng chứa phù hợp, có nắp đậy, có nhãn thùng chứa. Đối với việc xử lý chất thải, hãy xem mục 13 của SDS.
Biện pháp phòng ngừa môi trường	Tránh thải ra môi trường. Thông báo cho nhân viên quản lý hoặc giám sát thích hợp về tất cả thải ra môi trường. Ngăn ngừa rò rỉ hoặc tràn thêm nếu an toàn để làm như vậy. Tránh xả vào cống rãnh, dòng nước hoặc xuống đất. Nếu việc phát tán xảy ra ở Hoa Kỳ và phải báo cáo theo Mục 103 của CERCLA, thông báo cho Trung tâm phản hồi quốc gia theo số (800)424-8802 (Hoa Kỳ) hoặc (202)426-2675 (Hoa Kỳ).

7. Xử lý và lưu trữ

Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn	Xin hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không xử lý cho đến khi đã đọc tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn và hiểu rõ. Cung cấp thông gió đầy đủ. Nên xử lý trong hệ thống kín nếu có thể. Không hít phải sương mù hoặc hơi. Những người có tiền sử về các vấn đề nhạy cảm da không nên được sử dụng trong bất kỳ quy trình nào có sử dụng sản phẩm này. Không được để dính vào mắt, da hoặc quần áo. Tránh tiếp xúc lâu dài. Khi sử dụng, không ăn, uống hoặc hút thuốc. Mặc đồ bảo hộ cá nhân phù hợp thiết bị bảo vệ. Rửa tay kỹ sau khi xử lý. Tránh thải ra môi trường. Thực hiện tốt các biện pháp vệ sinh công nghiệp.
Điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích nào	Bảo quản trong hộp kín. Bảo quản xa các vật liệu không tương thích (xem Mục 10 của SDS). Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Bảo vệ khỏi tiếp xúc trực tiếp ánh sáng mặt trời. Các thùng chứa đã mở phải được đậy kín cẩn thận và giữ thẳng đứng để tránh rò rỉ. Không lưu trữ trong các thùng chứa không có nhãn.

8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

US. OSHA Quy định cụ thể về các chất (29 CFR 1910.1001-1050)

Thành phần	Kiểu	Giá trị
Silica tinh thể (thạch anh) (CAS 14808-60-7)	HAI	0,05mg/m3

US. OSHA Bảng Z-1 Giới hạn đối với các chất gây ô nhiễm không khí (29 CFR 1910.1000)

Thành phần	Kiểu	Giá trị	Hình thức
Thành phần độc quyền 1	PEL	5mg/m3	Phần có thể hít vào được.
		15mg/m3	Toàn là bụi.
Thành phần độc quyền 5	PEL	400mg/m3	
		100 phần triệu	

Bảng Z-3 của OSHA Hoa Kỳ (29 CFR 1910.1000)

Thành phần	Kiểu	Giá trị	Hình thức
Silica tinh thể (thạch anh) (CAS 14808-60-7)	HAI	0,1mg/m3	Có thể hít thở được.
		2,4 mpcf	Có thể hít thở được.

Machine Translated by Google

Bảng Z-3 của OSHA Hoa Kỳ (29 CFR 1910.1000)

Thành phần	Kiểu	Giá trị	Hình thức
Thành phần độc quyền 4	HAI	0,3mg/m3	Toàn là bụi.
		0,1mg/m3	Có thể hít thở được.
		20 mppcf	
		2,4 mpcf	Có thể hít thở được.

Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH của Hoa Kỳ

Thành phần	Kiểu	Giá trị	Hình thức
Silica tinh thể (thạch anh) (CAS 14808-60-7)	HAI	0,025mg/m3	Phần có thể hít vào được.
Methaxylen Diamin (MXDA) (CAS 1477-55-0)	Trần nhà	0,1mg/m3	
Thành phần độc quyền 4	HAI	2mg/m3	Phần có thể hít vào được.

NIOSH Hoa Kỳ: Sổ tay hướng dẫn bỏ túi về các mối nguy hiểm của hóa chất

Loại thành phần		Giá trị	Hình thức
Silica tinh thể (thạch anh) (CAS 14808-60-7)	HAI	0,05mg/m3	Bụi hô hấp.
Methaxylen Diamin (MXDA) (CAS 1477-55-0)	Trần nhà	0,1mg/m3	
Thành phần độc quyền 1	HAI	5mg/m3	Có thể hít thở được.
		10mg/m3	Tổng cộng
Thành phần độc quyền 4	HAI	2mg/m3	Có thể hít thở được.
Thành phần độc quyền 5	HAI	400mg/m3	
		100 phần triệu	

Giá trị giới hạn sinh học: Không có giới hạn phơi nhiễm sinh học nào được ghi nhận đối với thành phần.

Hướng dẫn phơi sáng: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp không liên quan đến hình thức vật lý hiện tại của sản phẩm.

OEL của Hoa Kỳ - California: Chỉ định về da

Methaxylene Diamine (MXDA) (CAS 1477-55-0): Có thể hấp thụ qua da.

OEL của Hoa Kỳ - Tennessee: Chỉ định về da

Methaxylene Diamine (MXDA) (CAS 1477-55-0): Có thể hấp thụ qua da.

Giá trị giới hạn ngưỡng ACGIH của Hoa Kỳ: Chỉ định da

Methaxylene Diamine (MXDA) (CAS 1477-55-0): Có thể hấp thụ qua da.

NIOSH Hoa Kỳ: Sổ tay hướng dẫn bỏ túi về các mối nguy hiểm của hóa chất

Methaxylene Diamine (MXDA) (CAS 1477-55-0): Có thể hấp thụ qua da.

Kỹ thuật phù hợp điều khiển: Nên sử dụng thông gió chung tốt. Tốc độ thông gió phải phù hợp với điều kiện. Nếu áp dụng, sử dụng các vỏ bọc quy trình, thông gió xả cục bộ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để duy trì mức độ trong không khí dưới mức giới hạn phơi nhiễm được khuyến nghị. Nếu giới hạn phơi nhiễm chưa được được thiết lập, duy trì mức độ không khí ở mức chấp nhận được. Các cơ sở rửa mắt và cấp cứu phải có vòi sen khi sử dụng sản phẩm này.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo vệ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt: Đeo kính an toàn, kính kín, kính bảo hộ bó sát không có lỗ thông hơi hoặc tấm chắn mặt tùy thuộc vào nguy hiểm của nhiệm vụ. Ngoài kính bảo hộ, hãy đeo tấm chắn mặt khi có thể có nước bắn vào mặt khả thi.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay: Đeo găng tay chống hóa chất thích hợp. Tính phù hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, ví dụ tần suất và thời gian tiếp xúc, khả năng chống hóa chất của vật liệu găng tay, găng tay độ dày, sự khéo léo. Nên thay đổi thường xuyên. Nên thay găng tay bị nhiễm bẩn. Nhà cung cấp găng tay có thể giới thiệu loại găng tay phù hợp.

Bảo vệ da

Khác: Mặc quần áo chống hóa chất phù hợp. Nên sử dụng tạp dề không thấm nước.

Machine Translated by Google

Bảo vệ hô hấp	Máy thở hóa chất có hộp chứa hơi hữu cơ và mặt nạ toàn bộ. Sử dụng áp suất dương máy thở cung cấp không khí nếu có bất kỳ khả năng nào cho việc phát hành không kiểm soát, mức độ phơi nhiễm không được đã biết hoặc bất kỳ trường hợp nào khác mà máy trợ thở lọc không khí có thể không cung cấp đủ bảo vệ. Kiểm tra với các nhà cung cấp thiết bị bảo vệ hô hấp.
Nguy cơ nhiệt	Mặc quần áo giữ nhiệt thích hợp khi cần thiết.
Vệ sinh chung những cân nhắc	Tuân thủ mọi yêu cầu giám sát y tế. Luôn tuân thủ vệ sinh cá nhân tốt các biện pháp, chẳng hạn như rửa sạch sau khi xử lý vật liệu và trước khi ăn, uống và/hoặc hút thuốc. Thường xuyên giặt quần áo làm việc và thiết bị bảo hộ để loại bỏ chất gây ô nhiễm. Không được phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.

9. Tính chất vật lý và hóa học

Vẻ bề ngoài	
Trạng thái vật lý	Chất lỏng.
Hình thức	Bột nhão nhớt.
Màu sắc	Xám.
Mùi	Giống như amin.
Ngưỡng mùi	Không có sẵn.
độ pH	Không có sẵn.
Điểm nóng chảy/điểm đóng băng	Không có sẵn.
Điểm sôi ban đầu và điểm sôi phạm vi	Không có sẵn.
Điểm chớp cháy	Không có sẵn.
Tỷ lệ bay hơi Không	Không có sẵn.
Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không áp dụng.
Giới hạn cháy nổ trên/dưới	
Giới hạn cháy - thấp hơn (%)	Không có sẵn.
Giới hạn cháy - trên (%)	Không có sẵn.
Áp suất hơi	Không có sẵn.
Mật độ hơi	Không có sẵn.
Mật độ tương đối	1,89 (H20=1)
Độ hòa tan	
Độ hòa tan (nước)	Không có sẵn.
Hệ số phân chia (n-octanol/nước)	Không có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có sẵn.
Nhiệt độ phân hủy	Không có sẵn.
Độ nhớt	Không có sẵn.
Thông tin khác	
Tỉ trọng	15,77 pound/gallon
Tính chất nổ	Không gây nổ.
Tính chất oxy hóa	Không bị oxy hóa.
VOC	23 g/l (đã thử nghiệm theo EPA CFR 40, Phần 60, phương pháp 24).

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Phản ứng	Sản phẩm ổn định và không phản ứng trong điều kiện sử dụng, bảo quản và vận chuyển thông thường.
Độ ổn định hóa học	Vật liệu ổn định trong điều kiện bình thường.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng bình thường.
Điều kiện cần tránh	Tránh ánh nắng trực tiếp. Tiếp xúc với vật liệu không tương thích.
Vật liệu không tương thích	Chất oxy hóa mạnh.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Không có dự kiến nào trong điều kiện sử dụng bình thường.

Machine Translated by Google

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các con đường phơi nhiễm có thể xảy ra

Hít vào	Có thể gây kích ứng hệ hô hấp.
Tiếp xúc với da	Gây bỏng da nghiêm trọng. Có thể gây phản ứng dị ứng da. Có thể được hấp thụ qua da.
Giao tiếp bằng mắt	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Tiêu thụ	Gây bỏng đường tiêu hóa.
Các triệu chứng liên quan đến vật lý, hóa học và đặc điểm độc tính	Đau rát và tổn thương da nghiêm trọng do ăn mòn. Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Các triệu chứng có thể bao gồm cảm giác châm chích, chảy nước mắt, đỏ, sưng và mờ mắt. Tổn thương mắt vĩnh viễn bao gồm có thể dẫn đến mù lòa. Phát ban. Viêm da. Khó thở. Ho. Gây ra đường tiêu hóa bỏng. Tiếp xúc kéo dài có thể gây ra những tác động mãn tính.

Thông tin về tác động độc tính

Độc tính cấp tính	Không được cho là có độc tính cấp tính.

Thành phần	Giống loài	Kết quả kiểm tra
2-Piperazin-1-ylethylamine (CAS 140-31-8)		
cấp tính		
Da liễu		
LD50	Con thỏ	880mg/kg
Miệng		
LD50	Con chuột	> 1000mg/kg
Methaxylene Diamine (MXDA) (CAS 1477-55-0)		
cấp tính		
Da liễu		
LD50	Con thỏ	2000mg/kg
Hít vào		
Bình xịt		
LC50	Con chuột	3,75 mg/l, 1 giờ
Miệng		
LD50	Con chuột	930mg/kg
Thành phần độc quyền 2 (CAS độc quyền)		
cấp tính		
Da liễu		
LD50	Con chuột	> 2000mg/kg
Miệng		
LD50	Con chuột	> 2000mg/kg
Thành phần độc quyền 4 (CAS độc quyền)		
cấp tính		
Miệng		
LD50	Con chuột	> 5000mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da	Gây bỏng da nghiêm trọng.
Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Nhạy cảm hô hấp hoặc da

Nhạy cảm hô hấp	Không phải là chất gây dị ứng đường hô hấp.
Nhạy cảm da	Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Đột biến tế bào mầm	Không có dữ liệu nào có sẵn để chỉ ra sản phẩm hoặc bất kỳ thành phần nào có mặt ở mức lớn hơn 0,1% là gây đột biến hoặc độc tính di truyền.
Chuyên khảo về khả năng gây ung thư của IARC. Đánh giá tổng thể về khả năng gây ung thư	Có thể gây ung thư.

Silica tinh thể (Thạch anh) (CAS 14808-60-7)	1 Chất gây ung thư cho con người.
Thành phần độc quyền 4 (CAS độc quyền)	2B Có khả năng gây ung thư cho con người.
	3 Không được phân loại là chất gây ung thư cho con người.

Machine Translated by Google

Báo cáo của NTP về chất gây ung thư

Silica tinh thể (Thạch anh) (CAS 14808-60-7)	Được biết là chất gây ung thư ở người.

Các chất được OSHA quy định cụ thể (29 CFR 1910.1001-1053)

Silica tinh thể (Thạch anh) (CAS 14808-60-7)	Bệnh ung thư

Độc tính sinh sản	Sản phẩm này không gây ra tác dụng phụ về mặt sinh sản hoặc phát triển.
Độc tính cơ quan đích cụ thể - phơi sáng đơn	Chưa được phân loại.
Độc tính cơ quan đích cụ thể - tiếp xúc thường xuyên	Gây tổn thương cho các cơ quan khi tiếp xúc kéo dài hoặc liên tục.
Nguy cơ hít phải	Không gây nguy cơ hít phải.
Tác dụng mãn tính	Gây tổn thương cho các cơ quan thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Tiếp xúc kéo dài có thể gây ra những ảnh hưởng mãn tính.

12. Thông tin sinh thái

Độc tính sinh thái Có hại cho sinh vật thủy sinh và gây hậu quả lâu dài.

Thành phần		Giống loài	Kết quả kiểm tra
2-Piperazin-1-ylethylamine (CAS 140-31-8)			
Thủy sinh			
Cá	LC50	Cá mương đầu to (Pimephales promelas)	1950 - 2460 mg/l, 96 giờ
Thành phần độc quyền 2 (CAS độc quyền)			
Thủy sinh			
Tảo	EL50	Tảo (Chollera vulgaris)	20,42 mg/l, 72 giờ
Giáp xác	EC50	Daphnia magna	4,6 mg/l, 48 giờ
Cá	LL50	Cá	14,8 mg/l, 96 giờ

Độ bền và khả năng phân hủy Không có dữ liệu về khả năng phân hủy của bất kỳ thành phần nào trong hỗn hợp.

Tiềm năng tích lũy sinh học Di động trong đất	Không có dữ liệu.
	Không có dữ liệu.
Các tác dụng phụ khác	Sản phẩm có chứa hợp chất hữu cơ dễ bay hơi có khả năng tạo ra ozon quang hóa tiềm năng.

13. Cân nhắc xử lý

Hướng dẫn xử lý	Thu gom và tái chế hoặc thải bỏ trong các thùng chứa kín tại địa điểm xử lý chất thải được cấp phép. Đốt vật liệu trong điều kiện được kiểm soát trong lò đốt được chấp thuận. Không để vật liệu này chảy ra vào cống rãnh/nguồn cung cấp nước. Không làm ô nhiễm ao, đường thủy hoặc mương bằng hóa chất hoặc chất thải đã qua sử dụng thùng chứa. Xử lý nội dung/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế quy định.
Quy định xử lý tại địa phương	Xử lý theo đúng các quy định hiện hành.
Mã chất thải nguy hại	Mã chất thải phải được chỉ định trong quá trình thảo luận giữa người sử dụng, nhà sản xuất và đơn vị xử lý chất thải. công ty xử lý rác thải.
Chất thải từ cặn bã / chưa sử dụng các sản phẩm	Xử lý theo quy định của địa phương. Các thùng chứa hoặc lớp lót rỗng có thể giữ lại một số dư lượng sản phẩm. Vật liệu này và thùng chứa của nó phải được xử lý theo cách an toàn (xem: Hướng dẫn xử lý).
Bao bì bị ô nhiễm	Vì các thùng chứa rỗng có thể giữ lại cặn sản phẩm, hãy tuân thủ các cảnh báo trên nhãn ngay cả sau khi thùng chứa đã được đã được làm rỗng. Các thùng chứa rỗng phải được đưa đến một địa điểm xử lý chất thải được chấp thuận để tái chế hoặc xử lý.

14. Thông tin vận chuyển

CHẤM

Số của Liên Hợp Quốc	UN2735

Tên vận chuyển riêng của Liên hợp quốc Amin, chất lỏng, ăn mòn, số (2-Piperazin-1-ylethylamine; Methaxylene Diamine (MXDA))

Lớp nguy hiểm vận chuyển

Lớp học	8
Nhãn rủi ro phụ	-
	8
Nhóm đóng gói Các	III

biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng Đọc hướng dẫn an toàn, SDS và quy trình khẩn cấp trước khi xử lý.

Quy định đặc biệt	IB3, T7, TP1, TP28

Machine Translated by Google

Ngoại lệ đóng gói 154
Đóng gói không số lượng lớn 203
Đóng gói số lượng lớn 241

XEM NÓI

Số UN Tên vận UN2735

chuyển riêng của UN Amin, chất lỏng, ăn mòn, số (2-Piperazin-1-ylethylamine; Methaxylene Diamine (MXDA))

Lớp nguy hiểm vận chuyển
Lớp 8
Rủi ro phụ Nhãn(s) -
8
Nhóm đóng gói III
Nguy cơ môi trường KHÔNG.
Mã ERG 8L

Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng Đọc hướng dẫn an toàn, SDS và quy trình khẩn cấp trước khi xử lý.

IMDG

Số của Liên Hợp Quốc UN2735
Tên vận chuyển riêng của Liên Hợp Quốc AMIN, DẠNG LỎNG, ĂN MÒN, NOS (2-Piperazin-1-ylethylamine; Methaxylene Diamine (MXDA))

Lớp nguy hiểm vận chuyển
Lớp học 8
Rủi ro phụ -
Nhóm đóng gói III
Nguy cơ môi trường
Chất gây ô nhiễm biển KHÔNG.
EmS FA, SB

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng Đọc hướng dẫn an toàn, SDS và các quy trình khẩn cấp trước khi xử lý.

Vận chuyển hàng rời theo quy định Chưa xác định.
Phụ lục II của MARPOL 73/78 và
Bộ luật IBC

Thông tin chung DOT / IMDG: Số lượng giới hạn tối đa 5 lít.

15. Thông tin quy định

Quy định của liên bang Hoa Kỳ Sản phẩm này là "Hóa chất nguy hiểm" theo định nghĩa của Thông báo nguy hiểm của OSHA Tiêu chuẩn, 29 CFR 1910.1200.

Thông báo xuất khẩu Mục 12(b) của TSCA (40 CFR 707, Mục D)

Không được quản lý.

Danh sách chất nguy hiểm CERCLA (40 CFR 302.4)

Không có trong danh sách.

Thông báo phát hành khẩn cấp SARA 304

Không được quản lý.

Các chất được OSHA quy định cụ thể (29 CFR 1910.1001-1053)

Silica tinh thể (Thạch anh) (CAS 14808-60-7) Bệnh ung thư
tác động đến phổi
tác động của hệ thống miễn dịch
tác dụng thận

Đạo luật sửa đổi và tái thẩm quyền Superfund năm 1986 (SARA)

SARA 302 Chất cực kỳ nguy hiểm

Không có trong danh sách.

SARA 311/312 Nguy hiểm Có
hóa chất

Nguy hiểm được phân loại Ăn mòn hoặc kích ứng da
Thể loại Tổn thương mắt nghiêm trọng hoặc kích ứng mắt
Nhạy cảm hô hấp hoặc da
Tính gây ung thư
Độc tính đối với cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm một lần hoặc nhiều lần)

SARA 313 (báo cáo TRI)

Không được quản lý.

Machine Translated by Google

Các quy định liên bang khác

Đạo luật Không khí Sạch (CAA) Mục 112 Danh sách các chất ô nhiễm không khí nguy hiểm (HAP)

Không được quản lý.

Đạo luật Không khí Sạch (CAA) Mục 112(r) Phòng ngừa Phát hành ngẫu nhiên (40 CFR 68.130)

Không được quản lý.

Đạo luật Nước uống an toàn (SDWA) Không được quản lý.

Quy định của tiểu bang Hoa Kỳ

US. Massachusetts RTK - Danh sách chất

2-Piperazin-1-ylethylamine (CAS 140-31-8)
Silica tinh thể (Thạch anh) (CAS 14808-60-7)
Methaxylene Diamine (MXDA) (CAS 1477-55-0)
Thành phần độc quyền 1 (CAS độc quyền)
Thành phần độc quyền 4 (CAS độc quyền)
Thành phần độc quyền 5 (CAS độc quyền)

Đạo luật Quyền được biết của Cộng đồng và Người lao động New Jersey của Hoa Kỳ

2-Piperazin-1-ylethylamine (CAS 140-31-8)
Silica tinh thể (Thạch anh) (CAS 14808-60-7)
Methaxylene Diamine (MXDA) (CAS 1477-55-0)
Thành phần độc quyền 1 (CAS độc quyền)
Thành phần độc quyền 4 (CAS độc quyền)
Thành phần độc quyền 5 (CAS độc quyền)

Luật Quyền Được Biết của Cộng Đồng và Người Lao Động Pennsylvania Hoa Kỳ

2-Piperazin-1-ylethylamine (CAS 140-31-8)
Silica tinh thể (Thạch anh) (CAS 14808-60-7)
Methaxylene Diamine (MXDA) (CAS 1477-55-0)
Thành phần độc quyền 1 (CAS độc quyền)
Thành phần độc quyền 4 (CAS độc quyền)

RTK Rhode Island của Hoa Kỳ

Silica tinh thể (Thạch anh) (CAS 14808-60-7)
Methaxylene Diamine (MXDA) (CAS 1477-55-0)
Thành phần độc quyền 1 (CAS độc quyền)
Thành phần độc quyền 4 (CAS độc quyền)
Thành phần độc quyền 5 (CAS độc quyền)

Dự luật 65 của California



CẢNH BÁO: Sản phẩm này có thể khiến bạn tiếp xúc với Silica tinh thể (Thạch anh), được Tiểu bang California biết đến. gây ung thư. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập www.P65Warnings.ca.gov.

Dự luật 65 của California - CRT: Ngày niêm yết/Chất gây ung thư

Silica tinh thể (Thạch anh) (CAS 14808-60-7) Được liệt kê: Ngày 1 tháng 10 năm 1988

Hoa Kỳ. California. Danh sách hóa chất ứng cử viên. Quy định về sản phẩm tiêu dùng an toàn hơn (Cal. Code Regs, tit. 22, 69502.3, tiểu mục (a))

Silica tinh thể (Thạch anh) (CAS 14808-60-7)
Thành phần độc quyền 4 (CAS độc quyền)
Thành phần độc quyền 5 (CAS độc quyền)

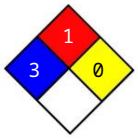
Hàng tồn kho quốc tế

Quốc gia hoặc khu vực	Tên hàng tồn kho	Trong kho (có/không)*
Úc	Kho dự trữ hóa chất của Úc (AICS)	Đúng
Canada	Danh sách các chất trong nước (DSL)	Đúng
Canada	Danh sách các chất không phải trong nước (NDSL)	KHÔNG
Trung Quốc	Bản kiểm kê các chất hóa học hiện có ở Trung Quốc (IECSC)	Đúng
Châu Âu	Kho dự trữ hóa chất thương mại hiện có của Châu Âu Chất (EINECS)	Đúng
Châu Âu	Danh sách các chất hóa học được thông báo của Châu Âu (ELINCS)	KHÔNG
Nhật Bản	Kiểm kê các chất hóa học hiện có và mới (ENCS)	Đúng
Hàn Quốc	Danh sách hóa chất hiện có (ECL)	Đúng
New Zealand	Hàng tồn kho New Zealand	Đúng

Machine Translated by Google

Quốc gia hoặc khu vực	Tên hàng tồn kho	Trong kho (có/không)*
Philippines	Kho dự trữ hóa chất và chất hóa học của Philippines (ÁNH)	Đúng
Đài Loan	Danh mục hóa chất của Đài Loan (TCSI)	Đúng
Kiểm kê theo Đạo luật kiểm soát chất độc hại của Hoa Kỳ và Puerto Rico (TSCA) *"Có" nghĩa là sản phẩm này tuân thủ các yêu cầu kiểm kê do quốc gia quản lý quản lý. "Không" chỉ ra rằng một hoặc nhiều thành phần của sản phẩm không được liệt kê hoặc được miễn khỏi danh sách trong kho do cơ quan quản lý quản lý. quốc gia(các quốc gia).		Đúng

16. Thông tin khác, bao gồm ngày soạn thảo hoặc lần sửa đổi cuối cùng

Ngày phát hành	18-Tháng sáu-2018
Ngày sửa đổi	-
Phiên bản #	01
Xếp hạng HMIS®	Sức khỏe: 3* Khả năng bắt lửa: 1 Nguy cơ vật lý: 0
Xếp hạng NFPA	
Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm	Hệ thống phủ NuKote không thể dự đoán tất cả các điều kiện mà thông tin này và thông tin này sản phẩm, hoặc các sản phẩm của các nhà sản xuất khác kết hợp với sản phẩm của mình, có thể được sử dụng. Nó là trách nhiệm của người sử dụng trong việc đảm bảo các điều kiện an toàn để xử lý, lưu trữ và thải bỏ sản phẩm và chịu trách nhiệm về mất mát, thương tích, thiệt hại hoặc chi phí do sử dụng không đúng cách. thông tin trong tờ giấy được viết dựa trên kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất hiện tại có sẵn.